

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/9/2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành Phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyên.

2. Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 46/2018/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/ 9/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1971. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2018 và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Trần Thị Đ trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Đ và Ông Phạm Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/1993 tại UBND xã C, huyện P, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà Đ là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống thường hay uống rượu về đánh đập vợ con nhiều lần nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay bà Đ thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà Đ xin được ly hôn với Ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có ba con chung, các cháu tên là Phạm Trần P, sinh năm 1994; Phạm Trần N, sinh năm 1996; Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008. Nguyên vọng của bà Đ xin nhận chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008 và về cấp dưỡng không yêu cầu Ông Phạm Văn T trợ cấp tiền nuôi con chung. Riêng 02 cháu Phạm Trần P, sinh năm 1994 và Phạm Trần N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu P, cháu N ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các cháu nên Tòa án không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự cho nguyên đơn, bị đơn, tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên Ông Phạm Văn T vắng mặt không có lý do. Áp dụng khoản 3 Điều 209 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015, Tòa án đã tiến hành Pên hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt đối với Ông Phạm Văn T. Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn Bà Trần Thị Đ giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với Ông Phạm Văn T; Về con chung xin được nuôi cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008. Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Ông Phạm Văn T trợ cấp tiền nuôi cháu Anh. Riêng 02 cháu Phạm Trần P, sinh năm 1994 và Phạm Trần N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu P, cháu N ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các cháu nên Tòa án không đề cập để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đều thực hiện đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Phạm Văn T mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ), đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị Đ. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị Đ và Ông Phạm Văn T. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008 cho Bà Trần Thị Đ chăm sóc và nuôi dưỡng, Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Ông Phạm Văn T trợ cấp tiền nuôi cháu A nên không đề cập để giải quyết. Riêng 02 cháu Phạm

Trần P, sinh năm 1994 và Phạm Trần N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên việc cháu P, cháu N ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các cháu nên Tòa án không đề cập để giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của Bà Trần Thị Đ lập ngày 18/01/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Xét thấy tại thời điểm Bà Trần Thị Đ làm đơn khởi kiện, bị đơn Ông Phạm Văn T, hiện đang cư trú tại số 35 Nguyễn D, tổ 8, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Ông Phạm Văn T, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo tham gia phiên tòa nhưng Ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của BLTTDS Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Xét về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị Đ xin ly hôn Ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Bà Trần Thị Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện P, tỉnh Bình Định vào ngày 31/12/1993 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp Pháp được Pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ý kiến trình bày của Bà Trần Thị Đ là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông T thường hay uống rượu về đánh đập

vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau đến cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 20/06/2018 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa Bà Trần Thị Đ và Ông Phạm Văn T (Bút lục số 58). Kết quả ban tự quản tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk cung cấp: “Trong quá trình chung sống Ông Phạm Văn T không lo làm ăn, thường hay uống rượu về vợ chồng thường xuyên cãi nhau và đánh đập bà Đ rất nhiều lần mà không có lý do. Tổ hòa giải đã nhiều lần mời Ông Phạm Văn T lên làm việc nhưng không đạt kết quả”.

Căn cứ vào kết quả xác minh cũng như lời trình bày của Bà Trần Thị Đ đã có đủ căn cứ xác định: Trong quá trình chung sống Bà Trần Thị Đ có mâu thuẫn, nguyên nhân do Ông Phạm Văn T và Bà Trần Thị Đ bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng cãi nhau và ông T đánh đập bà Đ nhiều lần mà không có lý do.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà Trần Thị Đ và Ông Phạm Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Bà Trần Thị Đ được ly hôn với Ông Phạm Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Bà Trần Thị Đ và Ông Phạm Văn T có các cháu tên là phạm Trần P, sinh năm 1994; Phạm Trần N, sinh năm 1996; Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008. Nguyên vọng của bà Đ xin nhận chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008. Tại biên bản xác minh ngày 20/06/2018 (Bút lục số 58) về điều kiện nuôi con chung, Ban tự quản tổ 8, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đắk Lắk xác nhận: “ Ông T làm nghề buôn bán ở và thường xuyên vắng nhà nên không có thời gian chăm lo cho con cái. Chị Đ làm nghề buôn bán trái cây, thu nhập hàng ngày đủ nuôi con khôn lớn và đảm bảo quyền lợi cho cháu A trong việc ăn học”. Qua lời khai của bà Đ xác định bà Đ làm nghề mua bán trái cây, mức thu nhập mỗi tháng từ 6 đến 7 triệu đồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định

bà Đ có đủ điều kiện để nuôi cháu phạm Trần A. Tại phiên hòa giải ngày 09/07/2018 (bút lục số 66) bà Đ có nguyện vọng xin được nuôi cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008 và biên bản lấy lời khai ngày 28/03/2018 thì cháu A có nguyện vọng xin được ở với mẹ Bà Trần Thị Đ. Xét thấy nguyện vọng của cháu A và bà Đ là tự nguyện, không trái với quy định cần chấp nhận. Riêng cháu Phạm Trần P, sinh năm 1994 và cháu Phạm Trần N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi nên bà Đ có nguyện vọng việc cháu P, cháu N ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các cháu nên Tòa án không đề cập để giải quyết.

[3] Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Ông Phạm Văn T cấp dưỡng tiền nuôi cháu A nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Ông Phạm Văn T được quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5] **Về án Phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203; Khoản 3 Điều 209, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Đ.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Trần Thị Đ với Ông Phạm Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Phạm Trần A, sinh ngày 09/8/2008 cho Bà Trần Thị Đ chăm sóc và nuôi dưỡng cho khi cháu A đủ 18 tuổi. Ông Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Riêng cháu Phạm Trần P, sinh năm 1994 và cháu Phạm Trần N, sinh năm 1996 đã đủ 18 tuổi, việc cháu P, cháu N ở với bố hoặc ở với mẹ là tùy vào quyết định của các cháu nên Tòa án không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Thị Đ không yêu cầu Ông Phạm Văn T phải trợ cấp tiền nuôi cháu A nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

- Về án Phí: Bà Trần Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0001625 ngày 22 tháng 01 năm 2018.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Bà Trần Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật.

“Trong trường hợp P bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

Thẩm Phán - Chủ tọa Pên toà

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án huyện P;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND thị trấn P, huyện P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

(Đã ký)

Võ Thị Mai